

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----**

Bản án số: **181/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/3/2019

V/v: *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Nhác;

Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Đặng Hoàng Phương - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số **653/2018/TLST-HNGĐ** ngày 04/12/2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **03/2019/QĐXX-ST** ngày 11/02/2019 và quyết định hoãn phiên toà ngày 07/3/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thúy L** - sinh năm 1987 (*Có mặt*)

Trú tại: Số 114 ngõ 481 phố NL, tổ 6, phường GT, quận Long Biên, TP Hà Nội.

Bị đơn: Anh **Bùi Văn T** - sinh năm 1984 (*Vắng mặt*)

HKTT: Thôn TT, xã NH, huyện TH, tỉnh TB.

Tạm trú: Tổ 6, phường GT, quận Long Biên, TP Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Tại đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, chị Nguyễn Thúy L là Nguyên đơn trình bày:**

- Về tình cảm: Chị và anh Bùi Văn T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 26/3/2013 tại UBND phường GT, quận Long Biên, TP Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ chị tại tổ 6, phường GT, quận Long Biên, TP Hà Nội. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh T mãi chơi, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, vợ chồng thường

xuyên cãi vã, xô xát. Anh T đó nhiều lần chửi bới, xúc phạm chị, có lần còn đánh chị. Anh chị đó ly thân từ năm 2014. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, kiên quyết xin ly hôn anh T.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là **Bùi Mai P** – sinh ngày 09/7/2014 (Nữ). Cháu P hiện đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị vì đó từ lâu anh không có trách nhiệm, không quan tâm đến cuộc sống của mẹ con chị. Hiện chị đang bán hàng quần áo thuê và bán hàng online, thu nhập bình quân khoảng 8.000.000đ (*Tám triệu đồng chẵn*)/ tháng, chị có đủ khả năng và điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

***Anh Bùi Văn T trình bày:** Anh và chị **Nguyễn Thúy L** xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng như chị L trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ chị L tại tổ 6, phường GT, quận Long Biên, TP Hà Nội. Anh chị chung sống bình thường đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh thích tụ tập giao lưu anh em bạn bè, ít quan tâm đến cuộc sống gia đình. Chị L không tâm lý, không biết cách chiều chồng nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát. Anh chị đó ly thân từ năm 2014. Nay trước yêu cầu ly hôn của chị L, anh không có ý kiến gì và cũng không viết lách, không ký tá gì, Tòa muốn xử như thế nào thì xử.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung đúng như chị L trình bày. Tòa giao con cho ai thì giao, tiền nuôi con anh không có, anh không ý kiến gì.

- Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình Tòa án tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết, xét xử vụ án, nhưng anh T vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên toàn bộ các lời khai và yêu cầu của mình, không có ý kiến gì bổ sung và không có đề nghị đưa thêm người vào tham gia tố tụng trong vụ án

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

- Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của các đương sự:

+ Nguyên đơn chấp hành đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Bị đơn không chấp hành đầy đủ, chống đối, không đưa ra tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho mình.

***Về nội dung vụ án:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn đầy đủ theo pháp luật. Nay chị L thấy tình cảm vợ chồng đã hết không còn khả năng đoàn tụ nên xin ly hôn anh T. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là **Bùi Mai P** – sinh ngày 09/7/2014 (Nữ). Cháu P hiện đang ở cùng chị L. Sau khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị. Đây là sự tự nguyện của đương sự cần được ghi nhận.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị không xét.

- Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1- Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thúy L xin ly hôn anh Bùi Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn TT, xã NH, huyện TH, tỉnh TB. Qua xác minh thu thập chứng cứ thì hiện nay anh T đang cư trú tại địa chỉ tổ 6, phường GT, quận Long Biên, TP Hà Nội. Anh thường xuyên đi đi về về tại địa chỉ này để thăm con. Do vậy, việc chị L khởi kiện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên - TP Hà Nội.

- Bị đơn là anh **Bùi Văn T** trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt, hoặc có mặt tại Tòa trong các buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, có lời khai nờu ý kiến, quan điểm nhưng không viết bản tự khai, không ký Biên bản làm việc. Ngày 07/3/2019, Tòa án mở phiên toà lần thứ nhất để xét xử vụ án nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà để xét xử vào ngày 27/3/2019. Tại phiên toà ngày 27/3/2019, anh T tiếp tục vắng mặt, xét thấy đây là lần thứ hai anh T vắng mặt tại phiên toà không có lý do mặc dù đã được toà án tổng đạt hợp lệ, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2- Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thúy L và anh Bùi Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2013, vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 26/3/2013 tại UBND phường GT, quận Long Biên, TP Hà Nội. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Ngay sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xảy ra xô xát, cãi cọ. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách, lối sống trái ngược nhau. Giữa vợ chồng không có sự yêu thương, chia sẻ, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau nên cuộc sống chung thường xuyên căng thẳng, không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hoà giải, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Anh chị chính thức ly thân và cắt đứt mọi quan hệ từ năm 2014. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa, hoặc có mặt tại Tòa trong các buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, có lời khai nêu ý kiến, quan điểm nhưng không viết bản tự khai, không ký Biên bản làm việc, không xuất trình được bất cứ tài liệu chứng cứ gì để chứng minh tình cảm vợ chồng vẫn còn, hoặc đưa ra giải pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng mà có thái độ chống đối, không hợp tác cơ quan pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho mình, thể hiện anh T không có thiện chí hòa giải cũng như đoàn tụ vợ chồng. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống chung giữa chị L và anh T không thể kéo dài do mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung là: **Bùi Mai P** – sinh ngày 09/7/2014 (Nữ). Hiện nay cháu P đang ở cùng chị L. Sau khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Xét điều kiện và khả năng nuôi con của chị L thể hiện chị có khả năng nuôi con vì chị có công việc và thu nhập ổn định hàng tháng, có nơi ở ổn định, nên chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Bùi Mai P** cho đến khi cháu P thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị L tự nguyện không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị. Đây là sự tự nguyện của đương sự cần được ghi nhận.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi Toà án công khai chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử anh T là bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Toà án không xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện đến Toà án bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- **Về án phí:** Chị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào Nghị quyết số **326/2016/UBTVQH14** ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Nguyễn Thúy L** đối với anh **Bùi Văn T**. **Chị Nguyễn Thúy L được ly hôn anh Bùi Văn T.**

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thúy L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là **Bùi Mai P** – sinh ngày 09/7/2014 (Nữ) cho đến khi cháu P thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không có nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thúy L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí hôn nhân gia đình. Xác nhận chị L đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai số **0000932** ngày 04/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên. Nay chuyển thành án phí.

Chị Nguyễn Thúy L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Bùi Văn T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND Q. Long Biên;
- Chi cục THADS Q. Long Biên;
- UBND P. GT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T.M Hội đồng xét xử
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Nguyễn Thị Phương Huyền

Hội đồng xét xử

Hội thẩm nhân dân:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa